



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04148/2025/PKQ (2462.01W2505.0645)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_DN300_PhungKhoang: Nguyễn Trãi - Phùng Khoang (Trên Giải Phân Cách)
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025 - 20/05/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 CI G: 2023	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,42	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2505.0645: KS_DN300_PhungKhoang: Nguyễn Trãi - Phùng Khoang (Trên Giải Phân Cách)

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04149/2025/PKQ (2462.01W2505.0646)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_12D: Tổ Hữu
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025 - 20/05/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,38	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,44	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2505.0646: KS_12D: Tổ Hữu

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04150/2025/PKQ (2462.01W2505.0647)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_12C: Đường Quang Tiến
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT0, 1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025
: 13/05/2025 - 20/05/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,39	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,52	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2505.0647: KS_12C: Đường Quang Tiến

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04151/2025/PKQ (2462.01W2505.0648)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : DH_BiaSaiGon: Nhà Máy Bia Sài Gòn Hà Nội, Đường Cn 1, Xuân Phương (Trịnh Văn Bô)
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025 - 20/05/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,53	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2505.0648: DH_BiaSaiGon: Nhà Máy Bia Sài Gòn Hà Nội, Đường Cn 1, Xuân Phương (Trịnh Văn Bô)

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
NĂNG LƯỢNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Quang Ninh



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04152/2025/PKQ (2462.01W2505.0649)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : DH_BenhVien_198: Bệnh Viện 19 - 8 Bộ Công An, Số 9 Trần Bình (Ngõ 16 Phạm Hùng)
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025 - 20/05/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 CI G: 2023	0,43	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,46	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2505.0649: DH_BenhVien_198: Bệnh Viện 19 - 8 Bộ Công An, Số 9 Trần Bình (Ngõ 16 Phạm Hùng)

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

KT, VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh



Địa chỉ: P806, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04153/2025/PKQ (2462.01W2505.0650)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_DN300_MeTri: Ngã Tư Mễ Trì - Lê Quang Đạo
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025 - 20/05/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 CI G: 2023	0,43	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
5.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
6.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,55	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2505.0650: KS_DN300_MeTri: Ngã Tư Mễ Trì - Lê Quang Đạo

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh